

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN



1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

- Chủ trì tham mưu Bộ tổ chức thực hiện Kế hoạch được ban hành tại Quyết định này.

- Tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ và nhiệm vụ tăng cường năng lực khoa học công nghệ của Đề án gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính để tổng hợp, bố trí kế hoạch.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, xây dựng chính sách về quản lý an toàn sinh học phù hợp với các cam kết quốc tế và chính sách, pháp luật của Việt Nam.

- Chủ trì tham mưu Bộ kiện toàn Ban Điều hành và ban hành quy chế hoạt động của Ban Điều hành thực hiện Đề án.

2. Vụ Tài chính: tham gia tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm cho các nhiệm vụ của Đề án.

3. Vụ Kế hoạch: tổng hợp đề xuất các dự án đầu tư công phục vụ phát triển công nghiệp sinh học trong nông nghiệp được giao trong Đề án.

4. Vụ Tổ chức cán bộ: chủ trì xây dựng và tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm về công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Đề án.

5. Vụ Pháp chế: phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu phát triển, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học nông nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp sinh học nông nghiệp.

6. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT theo chức năng nhiệm vụ và căn cứ vào Kế hoạch hành động này (phụ lục kèm theo) xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện.

7. Các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp có nhu cầu tham gia thực hiện các nội dung của Đề án đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, phối hợp thực hiện./.



Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT vừa ban hành Quyết định số 4489/QĐ-BNN-KHCN ngày 18/12/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030.



NỘI DUNG

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN



I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030 nhằm đạt được mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24/3/2021.

2. Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cho các đơn vị thuộc Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ thực hiện các nội dung của Đề án.

3. Tăng cường hiệu quả phối hợp của các đơn vị trong Bộ với các bộ, ngành, địa phương trong việc huy động các nguồn lực xã hội (doanh nghiệp, hiệp hội, hợp tác xã) xây dựng các mô hình, điểm triển khai Đề án theo danh mục đã phê duyệt và nhân rộng các mô hình một cách hiệu quả.



II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công nghiệp sinh học nông nghiệp. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp sinh học trong nông nghiệp.

Tuyên truyền phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, giới thiệu mô hình doanh nghiệp công nghiệp sinh học có hiệu quả. Tăng cường thông tin để khuyến khích sử dụng các sản phẩm công nghiệp sinh học nông nghiệp sản xuất trong nước và xây dựng thương hiệu của Việt Nam.

Hợp tác xuất bản: Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại ATC Việt Nam

Ý kiến đóng góp xin gửi về: Văn phòng ISG: Phòng 1705 tòa nhà A, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

❖ ĐT: 024 37711 736 ❖ Email: isgmard@mard.gov.vn ❖ Website: www.isgmard.org.vn

2. Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách tạo động lực cho phát triển nền công nghiệp sinh học trong nông nghiệp.

Rà soát hiện trạng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học nông nghiệp. Nghiên cứu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu phát triển, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học nông nghiệp vào sản xuất, đời sống. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về quản lý an toàn sinh học đối với các sản phẩm công nghệ sinh học phù hợp với các cam kết quốc tế và chính sách, pháp luật của Việt Nam. Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp quy mô hàng hóa, bảo đảm phát triển bền vững.



3. Phát triển khoa học và công nghệ

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học cải tiến, chọn tạo ra các giống cây trồng, giống vật nuôi, thủy sản có những tính trạng tốt, đặc tính tốt, ưu việt vượt trội mang lại giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững ngành nông nghiệp; Tiếp cận, làm chủ các công nghệ gen thế hệ mới/công nghệ chỉnh sửa gen trong nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng, giống vật nuôi, thủy sản chủ lực nhằm tăng tính chống chịu của giống với điều kiện bất thuận do biến đổi khí hậu; Hình thành cơ sở dữ liệu ADN/barcode/chỉ thị phân tử đối với nguồn gen di truyền bản địa làm cơ sở cho việc bảo tồn, khai thác, phục tráng, phát triển, bảo hộ thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản đặc sản của Việt Nam.



Chăm sóc, bảo vệ vật nuôi, thủy sản, tạo vắc-xin thế hệ mới phòng bệnh vật nuôi, thủy sản; tạo chế phẩm vi sinh phòng chống sâu bệnh hại trên cây trồng, sản xuất thuốc thú y sinh học có hiệu quả kinh tế cao. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ enzyme, protein, vi sinh vật nhằm tạo sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao.

Ứng dụng, làm chủ công nghệ phát triển bộ sinh phẩm (KIT) phát hiện nhanh, kiểm định, đánh giá chất lượng con giống vật nuôi, thủy sản; KIT chẩn đoán, quản lý dịch bệnh cây trồng và kiểm soát dư lượng các chất cấm trong nông sản có nguồn gốc từ cây trồng; giám định, chẩn đoán độ phì nhiêu, sức khỏe đất trồng trọt, nước tưới.



Đề xuất quy hoạch công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp tại một số tỉnh, thành phố và vùng kinh tế trọng điểm. Gắn kết chặt chẽ hoạt động khoa học công nghệ với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất và sức cạnh tranh các sản phẩm công nghệ sinh học.

4. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp.

Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp. Tổ chức thực hiện hoặc lồng ghép với các chương trình đào tạo khác nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của các tổ chức khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ và doanh nghiệp công nghệ sinh học thông qua các hình thức đào tạo trong và ngoài nước.



5. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao tiềm lực để phát triển công nghiệp sinh học

Tập trung đầu tư, nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại hoá máy móc, thiết bị phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học cho các phòng thí nghiệm công nghệ sinh học theo chuyên ngành về cây trồng, chăn nuôi – thú y, thủy sản, enzyme vi sinh vật; cho các viện nghiên cứu, trường đại học, học viện theo vùng.



6. Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp công nghệ sinh học quy mô công nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ, kỹ thuật mới phục vụ phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp. Tạo điều kiện hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm nông sản ở quy mô công nghiệp trong các lĩnh vực: Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực; phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh vật, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm sinh học xử lý môi trường, thức ăn chăn nuôi... phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ; vắc-xin phòng bệnh cho vật nuôi, thủy sản, thuốc thú y sinh học, KIT sử dụng cho chẩn đoán, quản lý dịch bệnh hại quan trọng đối với cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực và kiểm soát dư lượng các chất cấm.



8. Hình thành cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin về công nghiệp sinh học trong nông nghiệp.

Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin về công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ ngành nông nghiệp.

7. Hợp tác quốc tế

Hình thành nhóm nhiệm vụ hợp tác song phương, đa phương với các nước có nền công nghiệp sinh học tiên tiến để nhanh chóng tiếp cận, làm quen và tiến tới làm chủ công nghệ nền của công nghệ sinh học nông nghiệp hiện đại. Tranh thủ các cơ hội ợp tác để đào tạo đội ngũ cán bộ đầu ngành, chuyên gia giỏi và nâng cao trình độ nghiên cứu, phát triển công nghệ.

Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp chủ động hợp tác và tiếp nhận, chuyển giao công nghệ sản xuất công nghiệp sản phẩm công nghệ sinh học có lợi thế cạnh tranh từ nước ngoài.

